

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1327/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Giao thông vận tải đường bộ là một bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Vì vậy, cần được ưu tiên đầu tư phát triển để tạo tiền đề, làm động lực phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa,

đáp ứng tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Phát triển giao thông vận tải đường bộ hợp lý, đồng bộ và bền vững trong một quy hoạch thống nhất có phân công, phân cấp và hợp tác, liên kết giữa các phương thức vận tải, phù hợp với điều kiện địa lý, tạo thành một mạng lưới giao thông thông suốt và có hiệu quả.

3. Tập trung nguồn lực để đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường bộ hiện có; đẩy nhanh tốc độ xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam, các trục cao tốc trọng yếu theo quy hoạch được duyệt; coi trọng công tác quản lý, bảo trì để tận dụng tối đa năng lực kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.

4. Phát triển hệ thống đường bộ đối ngoại gắn kết chặt chẽ với hệ thống

đường bộ trong nước để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế.

5. Nhanh chóng phát triển giao thông vận tải xe buýt tại các đô thị lớn, đặc biệt Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; phát triển giao thông tĩnh và giao thông tiếp cận cho người khuyết tật; kiểm soát sự gia tăng phương tiện vận tải cá nhân; giải quyết ùn tắc giao thông và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị.

6. Phát triển giao thông vận tải địa phương đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn, gắn kết được mạng giao thông vận tải địa phương với mạng giao thông quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt và chi phí vận tải hợp lý, phù hợp với đa số người dân.

7. Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, vật liệu mới vào các lĩnh vực thiết kế, xây dựng, khai thác giao thông vận tải đường bộ với mục tiêu hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng. Coi trọng việc phát triển nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển ngành.

8. Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; huy động tối đa mọi nguồn lực, coi trọng nguồn lực trong nước để đầu tư phát triển; người sử dụng

có trách nhiệm đóng góp phí sử dụng để bảo trì và tái đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

9. Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đảm bảo hành lang an toàn giao thông; việc bảo vệ công trình giao thông và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, các ngành, toàn xã hội và của mỗi người dân.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Giai đoạn đến năm 2020

- Đáp ứng được nhu cầu về vận tải hàng hóa và hành khách với chất lượng tốt và giá cả hợp lý, bảo đảm an toàn, tiện lợi, kiềm chế tiến tới giảm tai nạn giao thông và hạn chế ô nhiễm môi trường; phát huy lợi thế của vận tải đường bộ có tính cơ động cao, hiệu quả trong phạm vi hoạt động đường ngắn, gom hàng, tạo chân hàng cho các phương thức vận tải khác. Một số mục tiêu cụ thể:

+ Khối lượng khách vận chuyển 5,5 tỷ hành khách với 165,5 tỷ hành khách luân chuyển.

+ Khối lượng hàng hóa vận chuyển 760 triệu tấn với 35 tỷ tấn hàng hóa luân chuyển.

+ Phương tiện ô tô các loại có khoảng 2,8 - 3,0 triệu xe.

- Đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường bộ hiện có, đầu tư chiều sâu một số công trình quan trọng để nâng cao năng lực thông qua; nhanh chóng triển khai xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc theo quy hoạch, đặc biệt là tuyến cao tốc Bắc Nam, phát triển mạnh mẽ giao thông đô thị.

Một số mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng 24 tuyến, đoạn tuyến cao tốc (kể cả đường vành đai đô thị) với tổng chiều dài khoảng 2.381 km.

+ 100% quốc lộ vào đúng cấp kỹ thuật.

+ Hoàn thành xây dựng các cầu lớn, thay thế 100% cầu yếu trên quốc lộ.

+ 100% đường tỉnh được rải mặt nhựa hoặc bê tông xi măng.

+ Quỹ đất dành cho xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân 16 - 26% so với quỹ đất xây dựng tại các đô thị.

+ 100% xã, cụm xã có đường ô tô đến trung tâm, trừ một số ít xã có địa hình, địa lý đặc biệt khó khăn và được trải mặt nhựa hoặc bê tông xi măng 100%; xóa 100% cầu khỉ.

2. Định hướng đến năm 2030

- Thỏa mãn được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải của xã hội với chất lượng

cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhanh chóng, êm thuận, an toàn; kết nối được với các phương thức vận tải khác, nhất là các điểm chuyên tải hành khách đường dài với vận tải hành khách đô thị.

- Hoàn thiện và cơ bản hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tiếp tục xây dựng các đoạn tuyến, tuyến đường bộ cao tốc, đường đô thị, đường vành đai.

III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

1. Hệ thống quốc lộ

a) Trục dọc Bắc Nam

- Quốc lộ 1 từ Hữu Nghị Quan (Lạng Sơn) đến Năm Căn (Cà Mau), dài 2.434 km, hoàn thiện toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; mở rộng một số đoạn có lưu lượng lớn đạt tiêu chuẩn đường cấp II, với 4 làn xe; thay thế toàn bộ các cầu yếu; xây dựng các tuyến tránh cần thiết tại các đô thị; hoàn thành xây dựng hầm đường bộ qua đèo Phú Gia, đèo Phước Tượng (Thừa Thiên Huế), đèo Cả (Phú Yên).

- Đường Hồ Chí Minh từ Pác Pó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau), dài 3.167 km, cơ bản đã hoàn thành giai đoạn 1 từ Hòa Lạc (Hà Nội) đến Tân Cảnh (Kon Tum), quy mô 2 làn xe.

Giai đoạn 2, nối thông toàn tuyến từ Pác Pó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau) với quy mô 2 làn xe. Cụ thể là tập trung nâng cấp, xây dựng mới các đoạn từ Pác Pó đến Cao Bằng, Chợ Mới - Bình Ca, cầu Ngọc Tháp, từ Tân Cảnh đến Chơn Thành, Chơn Thành đến Đức Hòa, Mỹ An đến Vàm Cống (bao gồm 2 cầu Cao Lãnh, Vàm Cống và đoạn nối 2 cầu), Rạch Giá đến Vĩnh Thuận, Năm Căn đến Đất Mũi (trước mắt xây dựng nền đường và làm đá dăm láng nhựa mặt đường), Cầu Đầm Cùg.

Giai đoạn 3 đến năm 2020, hoàn chỉnh tuyến, từng bước xây dựng các đoạn theo tiêu chuẩn đường cao tốc phù hợp với quy hoạch được duyệt và khả năng nguồn vốn.

b) Khu vực phía Bắc

Các tuyến nan quạt:

- Quốc lộ 5 từ Như Quỳnh (Hưng Yên) đến Đình Vũ (Hải Phòng), dài 110 km, duy trì tiêu chuẩn đường cấp II, quy mô 4 làn xe.

- Quốc lộ 18: từ Đại Phúc (Bắc Ninh) đến Bắc Luân (Quảng Ninh), dài 303 km, hoàn thiện nâng cấp, mở rộng đoạn Biều Nghi - Hạ Long đạt tiêu chuẩn đường cấp II, 4 làn xe; đoạn Mông Dương - Móng Cái đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; các đoạn khác duy trì tiêu chuẩn đường hiện tại.

- Quốc lộ 2 từ Phủ Lỗ (Hà Nội) đến Thanh Thủy (Hà Giang), dài 310 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp III, 2 làn xe; các đoạn qua khu vực có lưu lượng lớn đạt tiêu chuẩn đường từ cấp I đến cấp II, 4 - 6 làn xe.

- Quốc lộ 3 từ cầu Đuống (Hà Nội) đến Tà Lùng (Cao Bằng), dài 340 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe (trong đó một số đoạn xây dựng mới).

- Quốc lộ 6 từ Hà Đông (Hà Nội) đến Mường Lay (Lai Châu), dài 512 km, hoàn thiện xây dựng đoạn từ Hà Nội đến Xuân Mai, đoạn tránh thành phố Hòa Bình đạt tiêu chuẩn đường từ cấp I đến cấp II, 4 - 6 làn xe; các đoạn còn lại chủ yếu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 32 từ Hà Nội đến Bình Lu (Lai Châu), dài 393 km, hoàn thiện nâng cấp đoạn Hà Nội - Sơn Tây đạt tiêu chuẩn đường từ cấp I đến cấp II, 4 - 6 làn xe; các đoạn còn lại đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III đến cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 32B từ Thu Cúc (Phú Thọ) đến Mường Cơi (Sơn La), dài 21 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 32C từ Vân Phú (Phú Thọ) đến Âu Lâu (Yên Bái), dài 97 km, hoàn

thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III đến cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 70 từ (Đầu Lô) Phú Thọ đến Bản Phiệt (Lào Cai), dài 200 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, IV, 2 làn xe.

Các tuyến vành đai:

- Vành đai 1, gồm các quốc lộ 4A, 4B, 4C, 4D, 4E, từ Quảng Ninh đến Lai Châu, dài khoảng 687 km.

Từng bước hoàn thành nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe; các đoạn khó khăn đạt tiêu chuẩn đường cấp V, riêng đoạn từ Cao Bằng qua Lạng Sơn đến Quảng Ninh đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe. Hợp nhất các quốc lộ 4A, 4B, 4C, 4D, 4E thành quốc lộ 4.

- Vành đai 2 là quốc lộ 279 từ Bãi Cháy (Quảng Ninh) đến Tây Trang (Điện Biên), dài 744 km, hoàn thành nâng cấp, xây dựng toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV, 2 làn xe.

- Vành đai 3 là quốc lộ 37, từ Diêm Điền (Thái Bình) đến Cò Nòi (Sơn La), dài 485 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe ở khu vực miền núi; các đoạn khu vực đông dân cư, đồng bằng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

Các quốc lộ khác:

- Quốc lộ 18C từ Tiên Yên đến Hoành Mô (Quảng Ninh), dài 50 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 10 từ Uông Bí (Quảng Ninh) đến Hoàng Hóa (Thanh Hóa), dài 228 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 38 từ thành phố Bắc Ninh đến Chợ Dầu (Hà Nam), dài 81 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 39, từ Phó Nối (Hưng Yên) đến Diêm Điền (Thái Bình), dài 108 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 12B từ Gềnh (Ninh Bình) đến Mãn Đức (Hòa Bình), dài 95 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 21 từ Sơn Tây (Hà Nội) đến Hải Thịnh (Nam Định), dài 210 km, hoàn thiện xây dựng nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 21B từ Phú Lâm (Hà Nội) đến Cầu Bà Đa (Hà Nam), dài 59 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 2B từ Dốc Láp đến Tam Đảo (Vĩnh Phúc), dài 25 km, hoàn thiện nâng cấp đoạn trong khu vực thành phố đạt tiêu chuẩn đường đô thị, đoạn còn lại đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 2C, từ Sơn Tây (Hà Nội) đến Sơn Dương (Tuyên Quang), dài 141 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 31 từ Quán Thành (Bắc Giang) đến Bản Chắt (Lạng Sơn), dài 160 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 34 từ thị xã Hà Giang đến Khâu Đồn (Cao Bằng), dài 263 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 3B từ Nà Bản (Bắc Kạn) đến Quốc Khánh (Lạng Sơn), dài 128 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 1B, từ Đồng Đăng (Lạng Sơn) đến Gia Bảy (Thái Nguyên), dài 146 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III, IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 43 từ Gia Phù đến cửa khẩu Lóng Sập (Sơn La), dài 105 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 4G từ Mai Sơn đến Sông Mã (Sơn La), dài 92 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 12 từ Ma Thù Làng (Lai Châu) đến thành phố Điện Biên, dài 195 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, trong đó có đoạn xây dựng mới tránh ngập thủy điện Sơn La, dài 35 km.
 - Quốc lộ 100, từ Nậm Cáy đến Phong Thổ (Lai Châu), dài 20 km, duy trì tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, dài 18 km, hoàn thiện nâng đạt tiêu chuẩn đường cấp I, 6 làn xe.
 - Cầu lớn: hoàn thành xây dựng một số cầu lớn như Nhật Tân, Vĩnh Thịnh, Hạ Hòa, ...
- c) Khu vực miền Trung
- Quốc lộ 217, từ Đò Lèn đến Na Mèo (Thanh Hóa), dài 191 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III đến cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 47 từ Nam Sơn đến Mục Sơn (Thanh Hóa), dài 61 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.
 - Quốc lộ 45 từ Rịa (Ninh Bình) đến Như Xuân (Thanh Hóa), dài 198 km, hoàn thiện nâng cấp xây dựng toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 48 từ Yên Lý đến Quốc Phong (Nghệ An), dài 122 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV.

- Quốc lộ 7 từ Diễn Châu đến Nậm Cắn (Nghệ An), dài 227 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 46 từ Thanh Thủy đến Cửa Lò (Nghệ An), dài 75 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 8 từ Hồng Lĩnh đến Cầu Treo (Hà Tĩnh), dài 85,3 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 8B từ Hồng Lĩnh đến Xuân Hải (Hà Tĩnh), dài 25 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

Nối đoạn tuyến quốc lộ 8B với quốc lộ 8A thành quốc lộ 8.

- Quốc lộ 12A từ Ba Đồn đến Cha Lo (Quảng Bình), dài 138 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

Tuyến Vũng Áng - Xóm Sung: từ cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh) đến Xóm Sung (Quảng Bình), dài 63 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; đoạn cảng Vũng Áng - quốc

lộ 1 theo quy hoạch khu công nghiệp Vũng Áng.

- Quốc lộ 15 từ Tòng Đậu (Hòa Bình) đến Ngọc Lặc (Thanh Hóa), dài 109 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 9 từ Cửa Việt đến Lao Bảo (Quảng Trị), dài 118 km, hoàn thiện nâng cấp xây dựng đạt tiêu chuẩn đường từ cấp II đến cấp III, 2 - 4 làn xe.

- Quốc lộ 49, từ Thuận An (Thừa Thiên Huế) đến biên giới với Lào, dài 92 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 14B từ Tiên Sa (Đà Nẵng) đến Thạch Mỹ (Quảng Nam), dài 74 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 14D từ Giăng đến cửa khẩu Tà Óc (Quảng Nam), dài 75 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường từ cấp III đến cấp IV, 2 làn xe; hợp nhất hai tuyến quốc lộ 14B và quốc lộ 14D thành một tuyến 14B.

- Quốc lộ 14C từ Ngọc Hồi (Kon Tum) đến Buprăng (Đắk Nông), dài 387 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 14E, từ Hà Lam đến Khâm Đức nối đường ven biển (Quảng Nam), dài 76 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 24 từ Thạch Trụ (Quảng Ngãi) đến thị xã Kon Tum, dài 169 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 19 từ Quy Nhơn (Bình Định) đến Lệ Thanh (Gia Lai), dài 238 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; riêng đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao quốc lộ 1 đạt tiêu chuẩn đường cấp I, cấp II, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Quốc lộ 25 từ Tuy Hòa (Phú Yên) đến Chư Sê (Gia Lai), dài 192 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 26 từ Ninh Hòa (Ninh Thuận) đến Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), dài 165 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, những đoạn khó khăn cấp IV, 2 làn xe; riêng quốc lộ 26B từ quốc lộ 1 đến nhà máy tàu biển Hyun đai Vinashin đạt tiêu chuẩn đường cấp II, 4 làn xe; ghép quốc lộ 26 và quốc lộ 26B thành quốc lộ 26.

- Quốc lộ 27 từ Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) đến Phan Rang (Ninh Thuận), dài 277 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 28 từ Phan Thiết (Bình Thuận) đến Gia Nghĩa (Đắk Nông), dài 194 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp

tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường từ cấp IV, 2 làn xe.

- Đường Trường Sơn Đông từ Thạch Mỹ (Quảng Nam) đến Đà Lạt (Lâm Đồng), dài 667 km, hoàn thiện toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, V.

- Quốc lộ 49B từ Quảng Lợi đến Chân Mây (Thừa Thiên Huế), dài 89 km, hoàn thiện nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 24B từ cảng Sa Kỳ đến quốc lộ 1 (Quảng Ngãi), dài 18 km, hoàn thành việc nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 40 từ Ngọc Hồi đến cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum), dài 21 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 1D từ Quy Nhơn (Bình Định) đến Sông Cầu (Phú Yên), dài 35 km, đoạn đi trong thành phố theo quy hoạch đường đô thị, đoạn còn lại duy trì tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 1C từ quốc lộ 1 đến thành phố Nha Trang (Khánh Hòa), dài 17 km, hoàn thiện nâng cấp đạt quy mô đường 4 làn xe.

- Quốc lộ 27B từ Ninh Bình (Ninh Thuận) đến Hòa Diên (Khánh Hòa), dài 53 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

d) Khu vực phía Nam

Khu vực Đông Nam Bộ:

- Quốc lộ 51 từ Biên Hòa (Đồng Nai) đến Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu), dài 74 km, hoàn thiện mở rộng, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp I, 6 làn xe.

- Quốc lộ 55 từ Bà Rịa (Bà Rịa - Vũng Tàu) đến Bảo Lộc (Lâm Đồng), dài 230 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 56 từ Tân Phong (Đồng Nai) đến Bà Rịa (Bà Rịa - Vũng Tàu), dài 51 km, duy trì tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 22 từ thành phố Hồ Chí Minh đến Mộc Bài (Tây Ninh), dài 58 km, duy trì tiêu chuẩn đường từ cấp I đến cấp II, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Quốc lộ 22B từ Gò Dầu đến Xa Mát (Tây Ninh), dài 183 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường từ cấp II, 4 làn xe đến cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 13 từ thành phố Hồ Chí Minh đến cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước), dài 143 km, duy trì tiêu chuẩn đường từ cấp I đến cấp II quy mô 4 - 6 làn xe ở đoạn từ Ngã tư Bình Phước tới Thủ Dầu Một; hoàn thiện nâng cấp đoạn từ Chơn Thành đến Lộc Tấn đạt tiêu chuẩn đường cấp II, 4 làn xe; đoạn từ Lộc Tấn đến cửa

khẩu Hoa Lư theo quy hoạch của khu kinh tế cửa khẩu.

- Quốc lộ 20 từ Dầu Giây (Đồng Nai) đến Đà Lạt (Lâm Đồng), dài 268 km, cơ bản duy trì tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 1K từ ngã 3 Vườn Mít, km 0 đến vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh dài 12 km, xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp I đô thị.

- Cầu lớn: hoàn thành xây dựng một số cầu lớn qua sông Sài Gòn, sông Đồng Nai như cầu Đồng Nai, cầu Hòa An, các cầu Thủ Thiêm 2, 3, 4...

Khu vực Tây Nam Bộ:

- Tuyến N1 chạy dọc theo biên giới Việt Nam, Campuchia, từ Đức Huệ (Long An) đến Hà Tiên (Kiên Giang), dài 235 km, hoàn thiện xây dựng, nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe.

- Quốc lộ 50 từ thành phố Hồ Chí Minh đến Lộ Dừa (Tiền Giang), dài 88 km, hoàn thiện xây dựng nâng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 62 từ Tân An đến Mộc Hóa (Long An), dài 77 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; riêng đoạn cửa khẩu Bình Hiệp theo quy hoạch không gian khu kinh tế cửa khẩu.

- Quốc lộ 30 từ An Hữu (Tiền Giang) đến cửa khẩu Dinh Bà (Đồng Tháp), dài 120 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

Xây dựng mới đoạn từ ngã ba An Hữu về Đồng Tháp để kết nối giữa quốc lộ 1 và cao tốc, đạt tiêu chuẩn đường cấp II, quy mô 4 làn xe.

- Quốc lộ 54 từ Bình Thành (Đồng Tháp) đến thị xã Trà Vinh, dài 144 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 53 từ thị xã Vĩnh Long đến Tập Sơn (Trà Vinh), dài 167 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; đoạn Vĩnh Long - thành phố Trà Vinh đạt tiêu chuẩn đường cấp II, 4 làn xe.

- Quốc lộ 57 từ thị xã Vĩnh Long đến Thạnh Phú (Bến Tre), dài 102 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 60 từ Mỹ Tho (Tiền Giang) đến thị xã Sóc Trăng, dài 115 km, hoàn thành nâng cấp, xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 61 từ Cái Tắc (Hậu Giang) đến Rạch Sỏi (Kiên Giang), dài 96 km, hoàn thiện nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 63 từ Châu Thành (Kiên Giang) đến thành phố Cà Mau, dài 115 km, hoàn

thiện nâng cấp, xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 80 từ Mỹ Thuận (Vĩnh Long) đến Hà Tiên (Kiên Giang), dài 217 km, hoàn thiện nâng cấp, xây dựng toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

Xây dựng mới đoạn từ Lộ Tè đến Rạch Sỏi, chạy song song với quốc lộ 80 về phía Đông, giai đoạn đầu đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe, giai đoạn sau có thể đạt tiêu chuẩn đường cấp I, cấp II, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Quốc lộ 91 từ Cần Thơ đến Tịnh Biên (An Giang), dài 142 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Đường Nam sông Hậu, dài 140 km, hoàn thiện xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp dài 105 km, trước mắt hoàn thiện xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; đến năm 2020 là một đoạn của trục cao tốc Bắc Nam.

- Quốc lộ 91B, dài 13 km, hoàn thành việc nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường đô thị.

- Cầu lớn: hoàn thành xây dựng một số cầu lớn như Cần Thơ, Đức Huệ, Cao Lãnh, Vàm Cống, Hàm Luông, Cỏ

Chiên, Đại Ngãi (trên quốc lộ 60), Đình Khao (trên quốc lộ 57)...

Trên tất cả các tuyến quốc lộ mở rộng các đoạn qua khu đô thị, khu đông dân cư phù hợp quy hoạch được duyệt; xây dựng các tuyến tránh tại các đô thị cần thiết. Xem xét nâng một số tuyến lên thành quốc lộ phù hợp với nhu cầu thực tế và các tiêu chí của đường quốc lộ được quy định tại Luật giao thông đường bộ.

2. Đường bộ cao tốc

Nhanh chóng phát triển mạng đường bộ cao tốc theo quy hoạch được phê duyệt, phân theo khu vực như sau:

Tuyến cao tốc Bắc Nam gồm 2 tuyến với chiều dài 3.262 km, gồm:

- Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông, từ Hà Nội đến Cần Thơ, dài khoảng 1.941 km, quy mô 4 - 8 làn xe.

- Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Tây đường Hồ Chí Minh, từ Phú Thọ đến Kiên Giang, dài khoảng 1.321 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

Đường cao tốc khu vực phía Bắc gồm 7 tuyến hướng tâm kết nối với thủ đô Hà Nội với chiều dài khoảng 1.099 km, gồm:

- Lạng Sơn - Bắc Giang - Bắc Ninh, dài 130 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Thành phố Hà Nội - Hải Phòng, dài 105 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Thành phố Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai dài 264 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái, dài 294 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Thành phố Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn), dài 90 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Láng - Hòa Lạc - Hòa Bình, dài 56 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, dài 160 km, quy mô 4 làn xe.

Khu vực miền Trung, Tây Nguyên gồm 3 tuyến với chiều dài 264 km:

- Hồng Lĩnh - Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh, dài 34 km, quy mô 4 làn xe.

- Cam Lộ - Lao Bảo, dài 70 km, quy mô 4 làn xe.

- Quy Nhơn - Pleiku, dài 160 km, quy mô 4 làn xe.

Khu vực phía Nam gồm 7 tuyến, dài khoảng 984 km:

- Biên Hòa - Vũng Tàu, dài 76 km, quy mô 6 làn xe.

- Dầu Giây - Đà Lạt, dài 209 km, quy mô 4 làn xe.

- Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (theo hướng đường Hồ Chí Minh), dài 69 km, quy mô 6 - 8 làn xe.

- Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, dài 55 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, dài 200 km, quy mô 4 làn xe.

- Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, dài 225 km, quy mô 4 làn xe.

- Cần Thơ - Cà Mau, dài 150 km, quy mô 4 làn xe.

Hệ thống đường vành đai cao tốc thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh

Thành phố Hà Nội: vành đai 3, dài 56 km; vành đai 4, dài 125 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

Thành phố Hồ Chí Minh: vành đai 3, dài 83 km, quy mô 6 - 8 làn xe.

Đường vành đai 5 thành phố Hà Nội, vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh với chức năng kết nối với các đô thị vệ tinh trong tương lai sẽ được xem xét, điều chỉnh phù hợp điều kiện thực tế.

3. Đường bộ ven biển

Đường bộ ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, dài khoảng 3.127 km, có chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, du lịch khu vực ven biển, góp phần giảm nhẹ và phòng, chống thiên tai, đảm bảo an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo. Tuyến được hình thành trên cơ sở sử dụng hệ thống đường bộ, hệ thống đê biển, đường phòng thủ hiện có và xây dựng mới.

Từng bước khôi phục, nâng cấp và xây dựng mới đáp ứng nhu cầu với quy mô 2

làn xe; các đoạn qua khu đô thị, khu kinh tế, khu du lịch... có quy mô phù hợp với quy hoạch được duyệt.

4. Đường hành lang biên giới

Đường hành lang biên giới hình thành dọc biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, dài khoảng 4.432 km.

Việc xây dựng tuyến đường góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo vùng biên giới, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Từng bước nối thông, hoàn thành xây dựng toàn tuyến, cơ bản đạt tiêu chuẩn đường từ cấp IV đến cấp V, các đoạn do địa hình phức tạp, khó khăn đạt cấp VI, một số đoạn qua khu đông dân đạt cấp III, 2 làn xe.

5. Quy hoạch phát triển hệ thống đường tỉnh

Hệ thống đường tỉnh được phát triển với các định hướng sau:

Khôi phục, nâng cấp, đưa vào cấp kỹ thuật với quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV ở vùng đồng bằng, cấp IV đến cấp V ở miền núi; đoạn qua các đô thị theo quy hoạch được duyệt.

Nâng cấp một số đường tỉnh quan trọng lên thành quốc lộ đồng thời đưa một số đường huyện quan trọng lên đường tỉnh,

cải tuyến hoặc mở một số tuyến mới ở những khu vực cần thiết.

6. Giao thông đường bộ đô thị

Quy hoạch phát triển giao thông đường bộ đô thị phải phù hợp với quy hoạch phát triển không gian, kiến trúc đô thị.

Phát triển hệ thống giao thông vận tải đường bộ đô thị bảo đảm tính thống nhất, cân đối, đồng bộ, liên hoàn với mạng lưới giao thông vận tải của vùng, quốc gia và quốc tế.

Xây dựng các tuyến chính ra vào thành phố, nút giao lập thể tại các giao lộ lớn, các tuyến tránh đô thị, hình thành đường vành đai đô thị.

Xây dựng các bến xe, bãi đỗ đáp ứng nhu cầu.

Thành phố Hà Nội

- Hoàn thành việc cải tạo, mở rộng các quốc lộ hướng tâm hiện tại với quy mô 4 - 6 làn xe; xây dựng các đường bộ cao tốc song hành với quốc lộ có lưu lượng giao thông lớn.

- Hoàn thành việc xây dựng vành đai 2 thành đường đô thị có quy mô 4 - 8 làn xe.

- Xây dựng vành đai 3 quy mô 6 - 8 làn xe, đường vành đai đối ngoại (vành đai 4) quy mô 6 - 8 làn xe, chiều rộng chỉ giới (100 - 120 m); hình thành vành đai liên kết các đô thị vệ tinh (vành đai 5).

- Hoàn thành xây dựng các cầu vượt sông Hồng như cầu Thanh Trì, cầu Vĩnh Tuy, cầu Nhật Tân, cầu Hồng Hà, cầu Mỹ Sở, cầu Vĩnh Thịnh, cầu Tứ Liên. Mặt cắt ngang các cầu có quy mô 6 - 8 làn xe.

- Hoàn thành xây dựng các cầu vượt sông Đuống như cầu Đông Trù, cầu Thạch Cầu, cầu Đuống mới, cầu Phù Đổng II và cầu Đuống trên vành đai 4. Mặt cắt ngang các cầu có quy mô 4 - 8 làn xe.

- Tỷ lệ đảm nhận vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt đến năm 2020 đạt 25%.

Thành phố Hồ Chí Minh:

- Cải tạo nâng cấp các quốc lộ hướng tâm; riêng quốc lộ 50, đoạn vành đai 2 trở vào được cải tạo nâng cấp trở thành đường đô thị, xây dựng mới tuyến song hành quốc lộ 50 cũ; xây dựng cầu Đồng Nai mới.

- Xây dựng cao tốc: Biên Hòa - Vũng Tàu; thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; Dầu Giây - Đà Lạt; thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành; thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài; thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ; đường cao tốc liên vùng phía Nam thành phố Hồ Chí Minh - Nhơn Trạch.

- Xây dựng vành đai đô thị đạt cấp I đường đô thị; hình thành vành đai 3, vành đai 4.
 - Hoàn thành xây dựng đường phố chính nội đô.
 - Xây dựng hệ thống đường đô thị trên cao liên thông với nhau.
 - Xây dựng các cầu, hầm lớn vượt sông như cầu Bình Khánh trên sông Nhà Bè, cầu Phước Khánh trên sông Lòng Tàu, cầu Phước An trên sông Thị Vải, các cầu Thủ Biên (vành đai 4), cầu Hóa An, cầu Long Thành, cầu Nhơn Trạch (vành đai 3), cầu Nhơn Trạch trên sông Đồng Nai, các cầu Phú Thuận (vành đai 4), cầu Bình Gởi (vành đai 3), cầu Phú Long (đường tỉnh 12), cầu Tam Bình, cầu Bình Lợi 2 (vành đai 1), cầu Bình Quới (bán đảo Thanh Đa), cầu Sài Gòn 2, cầu Thủ Thiêm 2, 3, 4, hầm Thủ Thiêm qua sông Sài Gòn.
 - Tổ chức, quản lý tốt vận tải khách công cộng đô thị; tỷ lệ vận chuyển công cộng bằng xe buýt đáp ứng được 15% nhu cầu.
7. Giao thông nông thôn
- Huy động mọi nguồn lực để phát triển giao thông nông thôn trong đó ưu tiên xây dựng đường ô tô đến tất cả các trung tâm xã, trừ các xã đặc biệt khó khăn do địa hình, địa lý.
 - 100% đường huyện, đường xã đi lại quanh năm; tỷ lệ mặt đường cứng đạt 95%, trong đó bê tông xi măng, nhựa đạt 50%.
 - Tất cả đường huyện đều đạt tiêu chuẩn đường từ cấp IV đến cấp V, đường xã đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A.
 - 100% đường huyện, đường xã được bảo trì.
 - Xóa bỏ hết cầu khỉ khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
 - Phát triển giao thông nội đồng để đáp ứng được nhu cầu công nghiệp hóa sản xuất và thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.
8. Quy hoạch phát triển vận tải đường bộ
- Khối lượng khách vận chuyển đạt 5,5 tỷ hành khách với 165,5 tỷ hành khách luân chuyển, tăng bình quân 11,2%/năm về hành khách luân chuyển
- Khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 759,50 triệu tấn với 34,6 tỷ tấn luân chuyển, tăng bình quân 7,5%/năm về tấn luân chuyển.
- Phương tiện cơ giới đường bộ đáp ứng được tiêu chuẩn về môi trường tương đương EURO IV.
 - Vận chuyển khách công cộng bằng ô tô buýt tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đạt tỷ lệ 15 - 25%.

9. Quy hoạch phát triển phương tiện vận tải

a) Phương tiện xe ô tô

Dự kiến đến năm 2020 có 2,8 - 3 triệu ô tô, trong đó xe con chiếm khoảng 50%, xe khách 17%, xe tải 33%.

b) Xe máy

Hạn chế mức tăng số xe máy bằng các biện pháp hành chính, kinh tế, kỹ thuật để khống chế số lượng xe máy trên cả nước, xe máy sử dụng chủ yếu ở các khu vực nông thôn, khu vực không có vận tải khách công cộng, dự kiến đến năm 2020 có khoảng 34 - 36 triệu xe máy.

c) Bến, bãi và điểm dừng

Hoàn thiện quy hoạch bến xe có quy mô phù hợp với khối lượng khách đi, đến, đặc biệt các đầu mối giao thông. Ưu tiên đầu tư bến xe lớn tại các thành phố lớn như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Huế, Nha Trang, Cần Thơ...

Dành quỹ đất phù hợp cho phát triển bãi đỗ xe; xây dựng các bến xe ngầm, trên cao ở các thành phố lớn.

Hoàn chỉnh quy hoạch và hoàn thành xây dựng các điểm dừng trên các tuyến vận tải đường dài, đặc biệt là trên các quốc lộ; khoảng cách giữa các điểm dừng khoảng 200 - 300 km.

10. Đảm bảo an toàn giao thông

- Phấn đấu hàng năm giảm 5 - 7% số người chết do tai nạn giao thông.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, kiện toàn tổ chức quản lý từ trung ương đến địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kết hợp với tăng cường công tác cưỡng chế thi hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông đến cộng đồng.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bảo đảm hành lang an toàn, các công trình phải được thẩm định về an toàn giao thông; việc kết nối với các quốc lộ phải theo quy định để bảo đảm an toàn giao thông.

- Đầu tư hệ thống giám sát an toàn giao thông và trung tâm điều hành giám sát, tổ chức giao thông đạt tiêu chuẩn hiện đại.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý người điều khiển, chất lượng kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ.

- Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn để giảm thiểu thiệt hại do tai nạn giao thông đường bộ gây ra.

11. Bảo vệ môi trường và đất sử dụng cho giao thông đường bộ

a) Bảo vệ môi trường

Hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy định bảo vệ môi trường trong xây dựng, khai thác các công trình giao thông và khai

thác vận tải đường bộ. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục và cưỡng chế thi hành pháp luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện đánh giá môi trường từ khi lập quy hoạch. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các dự án xây dựng, khai thác, và các cơ sở công nghiệp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Các công trình giao thông và phương tiện vận tải phải có tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng với các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

b) Nhu cầu đất sử dụng

Nhu cầu đất cần bổ sung cho phát triển mạng lưới quốc lộ đến năm 2020 khoảng 3.200 ha, trong đó chiếm dụng đất nông nghiệp khoảng 2.200 ha. Nếu tính cả hành lang bảo vệ nhu cầu đất bổ sung cho quốc lộ khoảng 57.200 ha.

Nhu cầu đất phát triển đường bộ cao tốc đến năm 2020, tính cả hành lang bảo vệ khoảng 41.100 ha, trong đó đất bổ sung thêm khoảng 38.200 ha; chiếm dụng đất nông nghiệp khoảng 2.900 ha.

12. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Vốn đầu tư xây dựng

Ước nhu cầu vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến năm 2020 như sau:

- Quốc lộ khoảng 160.300 tỷ đồng, bình quân 13.400 tỷ đồng/năm.

- Đường Hồ Chí Minh: giai đoạn 2 nối thông toàn tuyến từ Cao Bằng đến Cà Mau khoảng 60.000 tỷ đồng.

- Đường bộ cao tốc khoảng 350.000 tỷ đồng, bình quân 29.160 tỷ đồng/năm.

- Đường bộ ven biển khoảng 14.500 tỷ đồng, bình quân 1.200 tỷ đồng/năm.

- Đường tỉnh khoảng 120.000 tỷ đồng, bình quân 10.000 tỷ đồng/năm.

- Giao thông đường bộ đô thị cho Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: khoảng 278.500 tỷ đồng, bình quân 23.204 tỷ đồng/năm.

- Giao thông nông thôn khoảng 83.300 tỷ đồng, bình quân 7.000 tỷ đồng/năm.

b) Vốn bảo trì

Ước nhu cầu vốn bảo trì hệ thống đường bộ do Trung ương quản lý đến năm 2020 như sau:

- Quốc lộ khoảng 52.500 tỷ đồng, bình quân 4.500 tỷ đồng/năm

- Đường bộ cao tốc khoảng 8.000 tỷ đồng, bình quân 267 tỷ đồng/năm.

13. Cơ chế, chính sách phát triển giao thông vận tải đường bộ

a) Khuyến khích các thành phần kinh tế có đủ điều kiện tham gia kinh doanh

vận tải, các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

b) Tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế tham gia vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thông qua đấu thầu để nâng cao chất lượng khai thác vận tải, dịch vụ hỗ trợ;

c) Hỗ trợ bằng cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp vận tải hoạt động ở vùng khó khăn; chính sách ưu tiên phát triển vận tải công cộng, kiểm soát sử dụng phương tiện giao thông cá nhân ở các thành phố lớn;

d) Tăng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước, phát hành trái phiếu Chính phủ và ưu tiên vốn ODA để tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

đ) Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, từ các thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức khác nhau như đầu tư - khai thác - chuyển giao (BOT), đầu tư - chuyển giao - khai thác (BTO), phối hợp đầu tư nhà nước và tư nhân (PPP), phát hành trái phiếu công trình.... Nhanh chóng triển khai thành lập Quỹ bảo trì đường bộ;

e) Rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, định ngạch cho phù hợp với thông lệ quốc tế, các

nước khu vực và điều kiện thực tế của Việt Nam;

g) Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề đồng bộ cả trong thiết kế, quản lý dự án, thi công và quản lý; thực hiện chương trình đào tạo và đào tạo lại, mở rộng các hình thức và nâng cao chất lượng đào tạo ngành nghề trong giao thông vận tải đường bộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Trên cơ sở quy hoạch, Bộ Giao thông vận tải cụ thể hóa, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển giao thông đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, các kế hoạch chi tiết theo định kỳ 5 năm, hàng năm phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, kiểm tra thực hiện quy hoạch; đề xuất những giải pháp cần thiết để thực hiện Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng